

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/HS-ST
Ngày: 18-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Sao

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông D Xuân Quyết

2. Ông Vàng A Hý

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2020/TLST-HS ngày 24/7/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXXST-HS ngày 04/9/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Vũ Mạnh H; sinh ngày 01/01/1983 tại huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKKHKT: Bản H, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nơi tạm trú: Bản M, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Mạnh H1 và bà Vũ Thị H2; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T và 01 con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/12/2019 đến ngày 07/01/2020 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho tới nay; có mặt.

2. Họ và tên: Điều Văn T; sinh ngày 12/7/1995 tại huyện S, tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKKHKT: Bản C2, xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên; Chỗ ở: Bản C2, xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Điều Văn N và bà Lò Thị T; Bị cáo có vợ là Tao Thị O và 02 con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/12/2019 đến ngày 07/01/2020 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho tới nay; có mặt.

3. Họ và tên: Trần Thanh D; sinh ngày 01/5/1990 tại huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKKHKT: Xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Nơi tạm trú: Bản N3, xã H,

huyện N, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Thanh S và bà Bùi Thị V; Bị cáo có vợ là Phạm Thị T và 02 con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/12/2019 đến ngày 07/01/2020 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho tới nay; có mặt.

4. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án

- Ông Điều Văn N, sinh năm 1971; có mặt.

Địa chỉ: Bản C2, xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên.

- Ông Lò Văn H, sinh năm 1979; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Bản N2, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên.

- Chị Phạm Thị T, sinh năm 1990; có mặt.

Địa chỉ: Bản N3, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 16 giờ 20 phút, ngày 29/12/2019, tổ công tác Công an huyện N phối hợp với Công an xã K làm nhiệm vụ tại khu vực bản N, xã K, huyện N phát hiện Vũ Mạnh H đang điều khiển xe máy HONDA Wave RSX, xe chưa có biển số, chở Điều Văn T có biểu hiện nghi vấn vi phạm pháp luật nên đã yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Sau khi kiểm tra, Vũ Mạnh H đã giao nộp 01 gói nilon màu trắng bên trong có 04 viên nén màu hồng, trên mặt mỗi viên đều có ký hiệu WY.

Quá trình điều tra đã xác định: Khoảng 12 giờ trưa ngày 29/12/2019 Vũ Mạnh H và Điều Văn T đang ăn cơm liên hoan nhà mới, tại bản M1, xã C, huyện N, thì H sử dụng điện thoại có số thuê bao 0395211668 gọi cho Trần Thanh D có số thuê bao 0975269956 để bảo D đi tìm mua ma túy về cùng nhau sử dụng. D đồng ý và đi xe máy tới cổng trường Tiểu học Phìn Hồ thuộc bản Đề Tinh 2, xã Phìn Hồ, huyện N gặp 01 người đàn ông khoảng 40 tuổi hỏi mua 350.000 đồng ma túy. Sau đó, D gọi điện bảo H đến cổng trường Tiểu học xã Phìn Hồ để đưa tiền cho người bán ma túy. H đồng ý và bảo T đưa xe máy cho H để H chở T đi sửa xe. Khi cả 02 đi tới khu vực xã K, huyện N thì H bảo T là đi ra chỗ D để mua ma túy, T đồng ý. Khi đi tới cổng trường Tiểu học xã Phìn Hồ thì T đi bộ lên chân dốc ở Trạm y tế xã Phìn Hồ mua nước và đợi H, còn H đang đứng đợi ở gần cổng trường thì có 01 người đàn ông đến chỗ H đợi để lấy số tiền 350.000 đồng. Sau khi lấy được tiền, người đàn ông đó đến chỗ D đợi và đưa cho D 06 viên ma túy được gói bằng nilon màu xanh. D mang gói ma túy đưa cho H rồi bảo H về trước còn D có việc về sau. Sau đó, H quay lại đón T đi tới ống cống thoát nước bên đường tại khu vực km50, quốc lộ 4H để sử dụng ma túy. H lấy gói ma túy đưa cho T rồi dùng chai nhựa, vỏ bút bi chế ống hút ma

túy. Một lúc sau, D cũng đi tới rồi cả 03 người sử dụng hết 02 viên ma túy. Còn 04 viên, T gói lại bằng nilon màu trắng đưa cho H cất vào túi áo ngực bên trái. Sau khi sử dụng xong, cả 03 vứt chai nhựa và bút bi xuống tà ly âm rồi cùng đi về xã C, huyện N. Khi H điều khiển xe máy chở T tới khu vực bản N, xã K, huyện N thì bị phát hiện, H tự nguyện giao nộp 04 viên ma túy cho tổ công tác. Trên cơ sở lời khai của H và Trường, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Trần Thanh D vào ngày 29/12/2019.

Quá trình điều tra, ngoài thu giữ vật chứng là 04 viên nén màu hồng Cơ quan điều tra còn thu giữ những tài liệu chứng cứ sau: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA Wave RSX, màu xanh đen, xe chưa được cấp biển số thu giữ của Điều Văn T; 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Samsung J7 pro màu đen, kèm 01 sim Viettel số thuê bao 0395211668 thu giữ của Vũ Mạnh H; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Motostar, màu xanh, biển kiểm soát 33M7-5134 và 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Oppo F5, màu đen kèm 01 sim Viettel số thuê bao 0975269956 thu giữ của Trần Thanh D.

Tại Biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng ngày 30/12/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N xác định: 04 viên nén màu hồng có khối lượng 0,39 (không phẩy ba mươi chín) gam.

Tại Kết luận giám định số: 65/GĐ-PC09, ngày 07/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: "Mẫu viên nén màu hồng trích ra từ vật chứng thu giữ của Vũ Mạnh H và đồng phạm gửi giám định là chất ma túy: Loại Methamphetamine... Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 323, Mục IIC, Danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018".

Trên cơ sở lời khai của các bị cáo, lời khai của các đồng phạm, khối lượng vật chứng thu giữ và Kết luận giám định, Cơ quan điều tra đã xác định số lượng Methamphetamine mà các bị cáo tàng trữ là 06 viên có kích thước, màu sắc, hình dạng, ký hiệu, khối lượng tương tự nhau, có tổng khối lượng là 0,58 gam. Trong đó có 02 viên các bị cáo đã sử dụng hết không thu giữ được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã xác định khối lượng 02 viên này như sau: $(0,39 \text{ gam} : 4) \times 02 \text{ viên} = 0,19 \text{ gam}$.

Tại bản Cáo trạng số: 39/CT-VKS-NP ngày 24/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên đã truy tố các bị cáo Vũ Mạnh H, Điều Văn T và Trần Thanh D về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo Vũ Mạnh H, Điều Văn T và Trần Thanh D đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình phù hợp với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi liên quan đến vụ án ông Điều Văn N và chị Phạm Thị T nhất trí với lời khai của các bị cáo cũng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N. Tại giai đoạn điều tra, Ông N đã được trả lại tài sản của mình là chiếc xe máy HONDA Wave RSX, màu xanh đen, xe chưa được cấp biển số, nay ông không có ý kiến gì. Chị T có nguyện vọng được nhận lại chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Oppo F5, màu đen thu giữ của Trần Thanh D vì đây là tài sản của cá nhân chị.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo; áp dụng điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Mạnh H; áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 đối với bị cáo Điều Văn T; áp dụng điểm s, t khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Thanh D. Đề nghị xử phạt các bị cáo như sau: Bị cáo Vũ Mạnh H từ 14 tháng đến 20 tháng tù; bị cáo Điều Văn T từ 13 tháng đến 19 tháng tù; bị cáo Trần Thanh D từ 12 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định. Áp dụng điểm a, c khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy vật chứng của vụ án là Methamphetamine sau khi đã trừ mẫu giám định; trả lại cho chị Phạm Thị T 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Oppo F5, màu đen; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung J7, màu đen của bị cáo Vũ Mạnh H. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Điều Văn T. Các bị cáo Vũ Mạnh H và Trần Thanh D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo Vũ Mạnh H, Điều Văn T và Trần Thanh D đều nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận gì. Khi nói lời sau cùng các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo Vũ Mạnh H, Điều Văn T và Trần Thanh D đều thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng và Luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Lời khai của các bị cáo thống nhất với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan

điều tra, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với các vật chứng thu giữ, kết luận giám định, biên bản kiểm tra điện thoại di động và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Vào khoảng 12 giờ trưa ngày 29/12/2019 H gọi điện cho D bảo D đi tìm mua ma túy về dùng cùng nhau sử dụng. D đồng ý và đi xe máy tới cổng trường Tiểu học Phìn Hồ thuộc khu vực bản Đ2, xã P, huyện N gặp 01 người đàn ông khoảng 40 tuổi, không quen biết hỏi mua ma túy, người đàn ông đó đồng ý bán 06 viên Methamphetamine với giá 350.000 đồng. Sau đó, người đàn ông đó đến chỗ H đợi ở cổng trường lấy số tiền 350.000 đồng rồi quay lại chỗ D đợi để giao 06 viên Methamphetamine. D nhận gói Methamphetamine rồi đưa cho H, sau đó H dùng xe máy của T mượn của ông Điều Văn N chở T tới khu vực km50 quốc lộ 4H chui vào trong ống cống thoát nước đợi D đi tới rồi cả 03 bị cáo cùng sử dụng hết 02 viên Methamphetamine. Còn lại 04 viên, T bọc vào nilon màu trắng đưa cho H cất giấu trong túi áo ngực bên trái. Sau khi sử dụng xong, H chở T đi tới khu vực bản N, xã K, huyện N thì bị phát hiện, bắt quả tang, H tự giác giao nộp 04 viên ma túy cho tổ công tác. Tại biên bản kiểm tra điện thoại di động Samsung J7 pro màu đen, số thuê bao 0395211668 thu giữ của Vũ Mạnh H và điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Oppo F5, màu đen, số thuê bao 0975269956 thu giữ của Trần Thanh D phát hiện có các cuộc gọi giữa hai số thuê bao 0395211668 và 0975269956 vào ngày 29/12/2019 phù hợp với lời khai của các bị cáo H và D về việc gọi trao đổi mua bán ma túy giữa hai bị cáo. Như vậy, các bị cáo đều khai nhận đã mua 06 viên Methamphetamine có kích thước, màu sắc, hình dạng, ký hiệu và khối lượng tương tự nhau với mục đích dùng cùng nhau sử dụng. Sau đó các bị cáo đã dùng cùng nhau sử dụng hết 02 viên Methamphetamine, còn lại 04 viên, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với cả 02 viên đã tàng trữ và sử dụng hết có khối lượng như Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã xác định là 0,19 gam. Tổng số Methamphetamine mà các bị cáo tàng trữ là 06 viên có tổng khối lượng là 0,58 gam. Trong đó, có 02 viên Methamphetamine các bị cáo đã sử dụng hết, cơ quan điều tra không thu giữ được, còn 04 viên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã thu giữ có tổng khối lượng 0,39 gam.

Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Vũ Mạnh H, Điều Văn T và Trần Thanh D phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự quy định: “1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”.

[2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn, xâm phạm đến sự độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Hành vi của các bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội trên địa bàn huyện N, bởi vì ma túy không chỉ hủy hoại sức khỏe của con người mà còn là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội khác. Bản thân các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, không bị ai xúi giục.

[3] Về vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này, các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội, nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Tuy vậy, cần phân tích đánh giá cụ thể hành vi của từng bị cáo tham gia vào việc phạm tội để việc quyết định hình phạt được chính xác. Trong vụ án này, bị cáo Vũ Mạnh H là người khởi xướng cũng là người thực hành tích cực, bị cáo là người bỏ toàn bộ số tiền 350.000 đồng để mua ma túy và là người trực tiếp cất giấu ma túy trong người, do đó bị cáo H giữ vai trò chính trong vụ án. Đối với bị cáo Trần Thanh D và Điều Văn T tuy không góp tiền mua ma túy nhưng cả 02 bị cáo đều có vai trò là người thực hành tích cực. Bị cáo Trường là người đưa phương tiện cho H để H chở T đi mua ma túy, khi biết H có ý định đi mua ma túy, không những không ngăn cản mà còn đồng tình thực hiện. Bị cáo D là người trực tiếp liên hệ và đi mua ma túy. Do đó, các bị cáo T và D có vai trò như nhau trong vụ án và có vai trò thấp hơn so với bị cáo H.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều xuất thân trong gia đình nông dân nhưng không chịu lao động, sống buông thả, không làm chủ được bản thân nên đã sử dụng chất ma túy. Tuy vậy các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Khi bị bắt giữ các bị cáo luôn thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội. Tại phiên tòa, các bị cáo cũng đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo H và D tại giai đoạn điều tra đã tích cực hợp tác với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N trong việc phát hiện tội phạm. Trong đó, bị cáo H đã cung cấp thông tin để Cơ quan Cảnh sát điều tra phát hiện, bắt quả tang Lầu A T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy; bị cáo D đã cung cấp thông tin để Cơ quan Cảnh sát điều tra phát hiện, bắt quả tang Nguyễn Văn H có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Căn cứ Công văn số 74/CV-CQĐT, ngày 05/7/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N về việc đề nghị cho 02 bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận cho bị cáo H và bị cáo D được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Xét đề nghị xử phạt của vị đại diện Viện kiểm sát:

Đối với bị cáo Vũ Mạnh H là người giữ vai trò đầu trong vụ án và bị cáo Điều Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn

đối với 02 bị cáo như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, để các bị cáo có điều kiện cải tạo bản thân trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời làm gương răn đe giáo dục các đối tượng khác đang và đã có hành vi như bị cáo nhưng chưa bị phát hiện, xử lý. Tuy vậy, Hội đồng xét xử cũng căn cứ vào nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho 02 bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước.

Đối với bị cáo Trần Thanh D, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú, lý lịch rõ ràng, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó, để cải tạo bị cáo trở thành một công dân tốt, không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo. Đây cũng là thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước ta đối với người phạm tội theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự thì *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*, do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo H và D là lao động tự do, bị cáo Trường có nghề nghiệp là làm ruộng, đều không có thu nhập ổn định, các bị cáo cũng không có tài sản riêng có giá trị (Biên bản xác minh ngày 29/12/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N), nên các bị cáo không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng của vụ án:

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA Wave RSX, xe chưa được cấp biển số thu giữ của Điều Văn T, qua điều tra, làm rõ là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Điều Văn N, bố đẻ bị cáo Trường, cho bị cáo mượn sử dụng để đi ăn liên hoan nhà mới. Ông N không biết việc bị cáo sử dụng chiếc xe máy của mình để chở H đi mua ma túy. Tại giai đoạn điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc xe máy cho ông Điều Văn N (biên bản về việc trả lại tài sản vào ngày 19/6/2020), tại phiên tòa ông N không có ý kiến gì. Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Motostar, màu xanh, biển kiểm soát 33M7-5134, qua điều tra, làm rõ là của ông Lò Văn H cho bị cáo Trần Thanh D mượn sử dụng để đi giao bánh mỳ. Ông H không biết việc bị cáo sử dụng chiếc xe máy của mình để đi mua ma túy. Tại giai đoạn điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại chiếc xe máy cho ông Lò Văn H (biên bản trả lại tài sản vào ngày 05/01/2020). Tại phiên tòa ông Lò Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án. Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội

đồng xét xử thấy việc xử lý vật chứng đối với 02 chiếc xe máy của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F5, màu đen thu giữ của Trần Thanh D có số thuê bao 0975269956, qua điều tra làm rõ đã xác định được chiếc điện thoại và số thuê bao 0975269956 là tài sản cá nhân của chị Phạm Thị T. Ngày 29/12/2019 chị T đưa cho bị cáo D mượn sử dụng để liên lạc với khách hàng mua bánh mỳ. Chị T không biết việc bị cáo D sử dụng điện thoại của mình để liên lạc với bị cáo H để trao đổi về việc mua bán ma túy. Tại phiên tòa, chị T có nguyện vọng được nhận tài sản là chiếc điện thoại của mình. Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát và ý kiến của chị T, quyết định trả lại chiếc điện thoại cho chị T.

Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu SamsungJ7 Pro có số thuê bao 0395211668 là của bị cáo Vũ Mạnh H dùng liên hệ với bị cáo D để bảo bị cáo D đi mua ma túy. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước chiếc điện thoại này.

Đối với vật chứng là Methamphetamine và nilon màu trắng, căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét quyết định tịch thu tiêu hủy.

Đối với vỏ chai nhựa và vỏ bút bi chế thành công cụ sử dụng chất ma túy, các bị cáo khai nhận, sau khi sử dụng xong đã vứt xuống tà ly âm trên đường đi từ Km50 Quốc lộ 4H về xã K, huyện N, Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh, truy tìm được vật chứng nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Trong vụ án bị cáo D và bị cáo H khai nhận đã mua Methamphetamine của 01 người đàn ông khoảng 40 tuổi vào trưa ngày 29/12/2019 tại khu vực bản Đ2, xã P, huyện N, tỉnh Điện Biên. Do các bị cáo không biết tên, địa chỉ cụ thể của người đàn ông này ở đâu nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không có căn cứ để điều tra, làm rõ xử lý theo quy định, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Tại phiên tòa bị cáo Điều Văn T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo T là dân

tộc thiểu số (dân tộc Thái) sống tại xã S, huyện N là xã có điều kiện - xã hội đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết định, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo T. Các bị cáo Vũ Mạnh H và Trần Thanh D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[11] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Vũ Mạnh H, Điều Văn T và Trần Thanh D phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Vũ Mạnh H. Xử phạt bị cáo Vũ Mạnh H 14 (mười bốn) tháng tù, bị cáo được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 29/12/2019 đến ngày 07/01/2020 là 09 (chín) ngày, còn phải thi hành 13 (mười ba) tháng 21 (hai mươi một) ngày, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày vào trại chấp hành án.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Điều Văn T. Xử phạt bị cáo Điều Văn T 13 (mười ba) tháng tù, bị cáo được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 29/12/2019 đến ngày 07/01/2020 là 09 (chín) ngày, còn phải thi hành 12 (mười hai) tháng 21 (hai mươi một) ngày, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày vào trại chấp hành án.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 17, Điều 58, điểm s, t khoản 1 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với bị cáo Trần Thanh D. Xử phạt bị cáo Trần Thanh D 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 18/9/2020.

Giao bị cáo Trần Thanh D cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Trần Thanh D có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu huỷ 0,3 (không phẩy ba) gam Methamphetamine còn lại sau khi đã lấy mẫu giám định và toàn bộ nilon, phong bì niêm phong cũ.

Trả lại cho chị Phạm Thị T 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Oppo F5, màu đen thu giữ của Trần Thanh D.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung J7 pro, màu đen thu giữ của Vũ Mạnh H.

(Methamphetamine và điện thoại được đựng trong các phong bì niêm phong như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 24/7/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi cục thi hành án dân sự huyện N)

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết): Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Điều Văn T; các bị cáo Vũ Mạnh H và Trần Thanh D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, trường hợp vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA - TA Tỉnh;
- Các bị cáo;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Điện Biên
- Cơ quan CSĐT CA huyện N;
- Cơ quan THAHS CA N;
- Nhà tạm giữ CA huyện N;
- UBND xã Nà Hỳ;
- Chi cục THADS huyện N;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu HSVA, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Sao